

Số: 745 /NSHN-KHĐT

Hà nội, ngày 29 tháng 03 năm 2018

V/v: Báo cáo công bố thông tin
của Công ty Nước sạch Hà Nội năm 2017

**Kính gửi: - UBND Thành phố Hà Nội
- Bộ Kế hoạch và đầu tư**

Căn cứ Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/09/2015 của Chính phủ về công bố thông tin doanh nghiệp nhà nước. Công ty TNHH Một thành viên Nước sạch Hà Nội báo cáo UBND Thành phố Hà Nội, Bộ Kế hoạch đầu tư, Sở Tài chính Hà Nội, về việc thực hiện công bố thông tin của doanh nghiệp năm 2017.

- Công ty đã xây dựng và duy trì trang thông tin điện tử của đơn vị (Website: hawacom.vn), đã xây dựng quy chế công bố thông tin của doanh nghiệp đảm bảo việc công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước theo đúng quy định.
- Thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/09/2015 của Chính phủ theo đúng biểu mẫu.

(chi tiết tại các biểu mẫu kèm theo văn bản này)

Công ty TNHH Một thành viên Nước sạch Hà Nội kính báo cáo./. *Huy*

Nơi gửi:

- Như trên
- Ban TGD C.ty
- Lưu: P.KHĐT
- Sở Tài chính HN



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Bảo Vinh

Số: /NSHN- KHĐT

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2018

PHỤ LỤC IV

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2018

(Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2018 đã được Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty phê duyệt tại Quyết định số 4563/HĐTV – NSHN ngày 29/12/2017).

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM TRƯỚC

Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm trước: Sản phẩm sản xuất chủ yếu, doanh thu, lợi nhuận trước thuế, nộp ngân sách, thực hiện sản phẩm công ích, kim ngạch xuất khẩu...

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ NĂM TRƯỚC

TT	Chỉ tiêu (hợp nhất)	ĐVT	Thực hiện năm 2017
1	Sản lượng nước sản xuất	M3	230.084.113
2	Doanh thu	Tỷ đồng	1.571
3	Lợi nhuận (trước thuế)	Tỷ đồng	284
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	333

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2018

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu (Công ty Mẹ)	ĐVT	Kế hoạch năm 2018
1	Sản lượng nước sản xuất	M3	234.004.715
2	Doanh thu	Tỷ đồng	1.704
3	Lợi nhuận (trước thuế)	Tỷ đồng	413
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	345

2. Kế hoạch đầu tư phát triển:

Về nguồn nước: tăng thêm từ 47.484 ÷ 97.484 m³/ngđ để bù đắp được suy giảm suy thoái các giếng khai thác nước, nâng cao năng lực sản xuất chủ động của Công ty, bình quân đạt 670.000 ÷ 700.000 m³/ngđ, tăng từ 5 ÷ 7,5% so với năm 2017.

Các dự án cải tạo nâng công suất nhà máy, khoan thay thế giếng suy thoái, cụ thể:

+ Cải tạo, khoan thay thế giếng tại các nhà máy ($11.400 \text{ m}^3/\text{ngđ}$) gồm: Yên Phụ (03 giếng: H15, H33, H35); Cáo Đình (03 giếng: CD4, CD5, CD10).

+ Tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công Dự án nâng công suất nhà máy nước Bắc Thăng Long đạt $150.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$. Dự kiến đến đầu tháng 6/2018 tăng thêm $25.000 \div 75.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$.

+ M3 tiết kiệm được sau cải tạo mạng chống thất thoát thất thu 11.084 m^3 góp phần nâng cao mức độ dịch vụ cấp nước trên địa bàn các quận nội thành.

- Về mạng lưới cấp nước:

- Tiếp tục triển khai các dự án phát triển mở rộng mạng lưới cấp nước theo quy hoạch và định hướng của UBND thành phố Hà Nội:

+ Xây dựng mạng lưới cấp nước cho 5 xã huyện Đông Anh: xã Kim Nỗ, Vĩnh Ngọc, Tàm Xá, Xuân Canh và Đông Hội.

+ Nghiên cứu đầu tư phát triển xây dựng mạng lưới cấp nước khu vực huyện Phú Xuyên, khu vực Thường Tín, khu vực Chương Mỹ

- Các dự án cải tạo mạng chống TTTT kết hợp thay thế đồng hồ hồ định kỳ (**76.999 chiếc**) với mục tiêu chống TTTT nâng tỷ lệ nước thu được tiền các dự án sau cải tạo lên trên 85%. Dự án Ô21- Hai Bà Trưng, Ô16 Đống Đa, Ô4A Cầu Giấy, Ô25 Tây Hồ.

- Nâng cao năng lực quản lý ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý khách hàng, quản lý tài sản:

+ Nâng cấp phần mềm quản lý khách hàng tiên tiến, kết nối cổng thông tin điện tử Thành phố Hà Nội.

+ Mua sắm thiết bị ghi đọc bằng máy cầm tay, hóa đơn điện tử

+ Khai thác phần mềm quản lý tài sản bằng công nghệ GIS tại xí nghiệp KDNS Ba Đình và tiến tới các xí nghiệp KDNS.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

1. Giải pháp về tài chính:

- Tăng cường kiểm soát và quản lý chi tiêu nhằm đem lại hiệu quả kinh tế và lợi nhuận hợp lý cho doanh nghiệp. Rà soát chặt chẽ các chi phí, hướng tới mục tiêu tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả SXKD.

- Kiểm tra việc thực hiện các cơ chế, quy định đã ban hành và điều chỉnh bổ sung cho phù hợp; tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, qui định về quản lý tài chính của Công ty theo mô hình mới.

2. Giải pháp về sản xuất:

- Duy trì và tăng cường công tác quản lý, phối hợp với ngành điện cấp điện ổn định để phát huy tối ưu năng lực sản xuất cấp nước, bảo đảm chất lượng theo QCVN 01:2009/BYT.

- Tập trung chỉ đạo, nguồn lực đẩy nhanh tiến độ thi công khoan thay thế giếng suy thoái, nâng công suất NMN Bắc Thăng Long, thu hồi nước rửa lọc, cải tạo chống thất thoát thất thu để đảm bảo tăng được từ 50.000 ÷ 100.000 m³/ngđ và phát triển cấp nước mở rộng cho các huyện Đông Anh, Mê Linh.

- Chủ động xây dựng các phương án vận hành nhà máy, mạng lưới cấp nước bảo đảm cấp nước ổn định không để xảy ra các khu vực mất nước trên diện rộng và kéo dài quá 24 giờ.

- Tăng cường, nâng cao năng lực quản lý kỹ thuật, quản lý chất lượng nước đảm bảo các nhà máy, trạm sản xuất an toàn, ổn định phát huy tối đa năng lực sản xuất và tiếp tục nghiên cứu xây dựng chế độ vận hành cấp nước tối ưu để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Xác định khâu đột phá năm 2018, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh chống thất thu thất thoát của khối kinh doanh, tập trung nghiên cứu các cơ chế quản lý, biện pháp tổ chức thực hiện nhằm nâng cao năng lực, khả năng tổ chức và hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra.

4. Giải pháp về nguồn nhân lực:

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn bộ máy tổ chức hoạt động của từng phòng, ban đảm bảo phù hợp với tình hình mới và sự phát triển của Công ty. Sắp xếp lao động và trả lương cho người lao động đảm bảo khoa học, hợp lý nâng cao hiệu quả công việc, năng suất lao động và bố trí phù hợp với tiêu chuẩn chức danh cho từng vị trí công tác.

- Tổ chức các khóa đào tạo, cử CBCNV đi học để không ngừng nâng cao trình độ lý luận, chuyên môn nghiệp vụ.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển doanh nghiệp như: xây dựng mô hình, quy hoạch cán bộ, kế hoạch nhân sự chủ chốt của Công ty Mẹ và các Công ty con theo từng loại hình theo từng năm và 5 năm.

5. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật:

- Tiếp tục rà soát, hoàn chỉnh các quy chế, cơ chế đổi mới công tác quản lý, áp dụng các giải pháp khoa học để nâng cao được năng suất, chất lượng lao động và tiết giảm chi phí hợp lý.

- Tập trung ưu tiên dự án cải tạo mạng tại các khu vực có tỷ lệ thất thoát thất thu cao, các khu vực khó khăn về nước và bức xúc dân sinh.

- Đồng bộ hóa hệ thống mạng đồng hồ tổng và hệ thống scada các nhà máy nước

- Ứng dụng công nghệ thông tin vào trong sản xuất nước: Xây dựng phần mềm quản lý tổ chức tiếp nhận thông tin khách hàng sử dụng nước; Nâng cấp hệ thống công văn nội bộ, cải tạo hệ thống tra cứu thông tin khách hàng, tiền nước, thông báo ngừng cấp nước...

- Xây dựng vận hành trạm bơm II, mạng lưới truyền dẫn đảm bảo việc cấp nước ổn định đặc biệt trong thời gian cấp nước mùa hè.

- Thực hiện các giải pháp chống thất thoát thất thu tìm kiếm rò rỉ, thanh kiểm tra khách hàng, áp giá theo quy định...

6. Giải pháp về quản lý và điều hành:

- Nâng cao năng lực quản lý, vận hành hệ thống cấp nước, tiết kiệm chi phí ổn định sản xuất, từng bước nâng cao mức độ dịch vụ cấp nước trên địa bàn Công ty quản lý.

- Xây dựng và ban hành các quy định, quy chế về quản lý lao động tiền lương, quản lý kỹ thuật. Triển khai hình thức quản lý công một cửa trong toàn Công ty. Quản lý và giám sát chặt chẽ chất lượng nước theo tiêu chuẩn cấp nước an toàn.

- Triển khai công tác Dịch vụ công một cửa nâng cấp lên cấp độ III, Công ty tiếp tục coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm để hướng tới sự hài lòng của khách hàng góp phần vào sự phát triển ổn định bền vững của Công ty, đồng thời xây dựng và triển khai kế hoạch đổi mới công tác quản lý ghi thu tiền nước đảm bảo sự minh bạch và thuận lợi cho khách hàng ngày càng tốt hơn dự kiến hoàn thành trong năm 2018.

- Thực hiện tái cấu trúc Công ty theo doanh nghiệp theo Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg ngày 28/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ và kế hoạch của UBND Thành phố Hà Nội, năm 2017 Công ty đã hoàn thành công tác thoái vốn 100% vốn nhà nước tại Công ty cổ phần SXKD nước sạch số 3 và Công ty CP Nước Tinh Khiết, đồng thời xây dựng kế hoạch cổ phần Công ty mẹ Nước sạch Hà Nội giai đoạn 2017 ÷ 2019 báo cáo UBND TP Hà Nội bảo đảm đúng quy định và kế hoạch UBND TP Hà Nội giao.

- Nghiêm túc triển khai thực hiện Chương trình Quốc gia chống thất thoát thất thu nước sạch đến năm 2025 trong toàn Công ty theo QĐ của Thủ tướng Chính phủ.

7. Giải pháp khác:

- Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ, giám sát hoạt động tại Công ty và các xí đơn vị trực thuộc, Thực hành tiết kiệm trong chi tiêu, mua sắm, sử dụng tài sản đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật, và quy định quy chế của Công ty.

- Giữ vững sự đoàn kết nhất trí trong Đảng, chính quyền, công đoàn, đoàn thanh niên và các tổ chức chính trị xã hội thông qua sự phối hợp có hiệu quả hướng tới mục tiêu chung vì lợi ích của nhà nước, người lao động và sự phát triển bền vững của Công ty.

Số: /NSHN- KHĐT

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2017

PHỤ LỤC V

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH
DOANH HÀNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT**

Năm báo cáo: 2017

**I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 03 NĂM
TRƯỚC**

1. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm trước

a) Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm trước:

- Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh trong 03 năm qua (2014 – 2017) năm sau cao hơn năm trước, thể hiện chủ yếu qua các chỉ tiêu sau:
 - + Sản lượng nước sản xuất: duy trì sản lượng nước ổn định bình quân đạt 650.000 m³/ngđ.
 - + Tỷ lệ thất thoát thất thu nước sạch: năm 2017 giảm còn 20,47% (giảm 4,4% trong 3 năm).
 - + Tổng doanh thu: từ 1.328 tỷ đồng năm 2015 tăng trưởng lên 1.571 tỷ đồng năm 2017.
 - + Lợi nhuận: từ 231 tỷ đồng năm 2015 tăng lên 284 tỷ đồng năm 2017
 - + Nộp ngân sách: từ 188 tỷ đồng năm 2015 tăng lên 333 tỷ đồng năm 2017.

b) Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước:

- Công ty đã hoàn thành một số các dự án phát triển nguồn nước, khoan bổ sung thay thế các giếng suy thoái, cải tạo và xây dựng hệ thống khai thác xử lý tại các trạm sản xuất nước gồm: trạm Kiều Kì (3.500m³/ngđ), Trạm Ngọc Thụy (3.500 m³/ngđ), trạm Yên Viên (7.200 m³/ngđ), trạm Thụy Khuê (2.500 m³/ngđ), trạm Đông Mỹ đạt công suất 10.000 m³/ngđ, khoan bổ sung các giếng tại các nhà máy Yên Phụ, Ngô Sĩ Liên, Mai Dịch, Pháp Vân, Nam Dư, Cáo Đình, Gia Lâm..., nâng công suất NMN Bắc Thăng Long đạt 70.000 m³/ngđ đã góp phần ổn định cấp nước các khu vực nội thành và khu vực ngoại thành Thanh Trì, Gia Lâm, Đông Anh.

- Mở rộng phạm vi cấp nước, phát triển khách hàng khu vực 5 xã huyện Đông Anh (14.000 khách hàng): xã Kim Nỗ, Vĩnh Ngọc, Tầm Xá, Xuân Canh và Đông Hội.

- Các dự án cải tạo mạng lưới chống thất thoát thất thu trên địa bàn các quận bảo đảm tiến độ góp phần nâng cao mức độ dịch vụ cấp nước, hoàn thành các dự án Ô6A Ba Đình ; KV2 Ô9A và Dự án KV còn lại (1,2,4) Ô13 Đống Đa ; DMA1- Ô4B khu vực 1,2,3 Cầu Giấy; khu vực di dân Thành nhân ngõ 283 Trần Khát Chân và dự án

Đầu tăng cường nguồn cấp nước KV Ô19D-505 Minh Khai – Hai Bà Trưng, Ô12 Đống Đa, DMA1,2 Ô3 Cầu Giấy; Ô26 Hai Bà Trưng...

c) Những thay đổi chủ yếu trong 03 năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới,...).

- Nguồn kinh phí đầu tư mở rộng, nâng cấp Hệ thống cấp nước rất lớn, chủ yếu Công ty dùng vốn tự có và nguồn vốn vay, phát triển mạng lưới cấp nước ở các huyện ngoại thành suất đầu tư lớn nhưng khả năng thu hồi vốn chậm do người dân chủ yếu dùng giếng khoan nên chưa có thói quen sử dụng nước sạch vì vậy cần phải có thời gian do vậy cũng ảnh hưởng đến công tác SXKD của Công ty.

- Nâng công suất NMN Bắc Thăng Long đạt 70.000 m³/ngđ

- Hoàn thành Dự án phát triển MLCN: khu vực 5 xã huyện Đông Anh (14.000 khách hàng): xã Kim Nỗ, Vĩnh Ngọc, Tầm Xá, Xuân Canh và Đông Hội.

d) Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp:

- Nguồn nước ngầm hàng năm tiếp tục bị suy thoái từ 1,5% ÷ 2%, Công ty cũng gặp nhiều khó khăn trong việc đảm bảo nguồn vì nhiều nhà máy không có đất để khoan thay thế, bổ sung. Mặt khác đa số các nhà máy nguồn đã cạn, hiện khai thác hết sản lượng cho phép. Do vậy để đảm bảo nguồn cấp nước hiện tại cũng như lâu dài, Công ty tiếp tục đẩy nhanh các dự án phát triển nguồn nước như dự án nước mặt Sông Hồng, Sông Đuống, tiếp nhận nguồn nước Sông Đà đủ lưu lượng và áp lực để đáp ứng nhu cầu cấp nước trước mắt cũng như lâu dài của Thành phố.

- Thời tiết tiếp tục có những diễn biến bất thường, đặc biệt trong mùa hè có nhiều đợt nắng nóng xảy ra khiến nhu cầu sử dụng nước tăng cao vì vậy công tác sản xuất cấp nước gặp rất nhiều khó khăn.

- Nguồn nước mặt Sông Đà không cung cấp đủ về lưu lượng và áp lực, do vậy gây rất nhiều khó khăn cho việc điều phối vận hành cấp nước cho các khu vực cuối nguồn, khu vực có cốt địa hình cao thuộc các Quận Cầu Giấy và Quận Đống Đa.

- Thành phố đang trong quá trình đô thị hóa, triển khai thi công rất nhiều các công trình hạ tầng như cầu vượt, hệ thống thoát nước, thông tin liên lạc... vì vậy đòi hỏi công tác phối hợp trao đổi thông tin chặt chẽ hơn nữa để tránh hư hỏng, đảm bảo an toàn hệ thống cấp nước.

đ) Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu,...).

Các dự án lớn xã hội hóa bổ sung nguồn nước theo quy hoạch cho Hà Nội như dự án NMN mặt Sông Đà giai đoạn II : 600.000 m³/ngđ, NMN mặt Sông Hồng, NMN mặt Sông Đuống giai đoạn I: 150.000 m³/ngđ đều trong giai đoạn triển khai, nhưng chưa đưa vào cấp nước được trong thời gian tới vì vậy cũng ảnh hưởng đến phát triển mạng lưới cấp nước và nâng cao dịch vụ cấp nước cho Thủ đô Hà Nội.

- **Dự án xây dựng nhà máy nước mặt sông Hồng:** Công ty Nước sạch Hà Nội tham gia góp 20% vốn đầu tư xây dựng NMN mặt sông Hồng và đã được UBND Thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 5611/QĐ-UBND ngày 24/10/2015. Hiện dự án đang trong quá trình triển khai.

- **Dự án xây dựng nhà máy nước mặt sông Đuống:** Công ty Nước sạch Hà Nội tham gia góp 10% vốn đầu tư xây dựng NMN mặt sông Đuống và đã được UBND Thành phố

chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2869/QĐ-UBND ngày 03/06/2016. Hiện dự án đang trong quá trình triển khai.

- Dự án bổ sung nguồn nước thô cho NMN Bắc Thăng Long:

Hiện nay, Công ty Nước sạch Hà Nội đang tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công dự án nâng công suất NMN Bắc Thăng Long đạt công suất 150.000m³/ngđ, dự án sử dụng nguồn nước mặt sông Hồng thông qua hệ thống kênh dẫn nước của Trạm bơm Ấp Bắc. Dự kiến tiến độ hoàn thành trong năm 2018 và kịp đưa vào cấp nước hè 2018 thêm được sản lượng từ 25.000 đến 75.000 m³/ngđ. Công ty Nước sạch Hà Nội xin đề xuất Thành phố cho đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước cho các khu vực thuộc vùng ảnh hưởng của NMN Bắc Thăng Long như khu vực huyện Đông Anh (các xã còn lại); huyện Sóc Sơn (các khu vực còn lại), thị trấn và các xã huyện Mê Linh.

BIỂU SỐ 1

**MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
CỦA DOANH NGHIỆP**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2014	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017
1	Sản lượng nước sản xuất	M3	224.109.196	208.233.587	224.989.710	230.084.113
2	Doanh thu	Tỷ đồng	1.129	1.328	1.525	1.571
3	Lợi nhuận (trước thuế)	Tỷ đồng	70	231	302	284
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	133	188	347	333

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ CÁC CÔNG TY CON:

Thực hiện tái cấu trúc Công ty theo doanh nghiệp theo Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg ngày 28/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ và kế hoạch của UBND Thành phố Hà Nội, trong năm 2017 Công ty đã hoàn thành công tác thoái vốn 100% vốn nhà nước tại Công ty cổ phần SXKD nước sạch số 3 và Công ty CP Nước Tinh Khiết.

1. Danh sách các Công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% vốn điều lệ:

- Công ty Cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội

- BIỂU SỐ 2

TT	Tên doanh nghiệp	Thực hiện năm 2015			Thực hiện năm 2016			Thực hiện năm báo cáo 2017		
		Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)
	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ cổ phần chi phối									
1	Công ty cổ phần Nước tinh khiết Hà Nội	8,47	72,76%	6,163	8,47	72,76%	6,163	8,4	72,76%	6,1
2	Công ty cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội	568	96,64%	548,914	568	96,64%	548,914	568	96,64%	548
3	Công ty cổ phần Nước sạch số 3 Hà Nội	55	65,61%	36,87	55	65,61%	36,87	55	65,61%	36

PHỤ LỤC VI

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH VÀ TRÁCH
NHIỆM XÃ HỘI NĂM 2017**

(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

I. MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH

BIỂU MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ so với KH	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước
1	Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm	m3	234.755.452	230.084.113	98,01%	102,26%
2	Khối lượng, sản lượng sản phẩm, dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu					
3	Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu	<i>(Thống kê số lượng các ý kiến phản hồi của các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích của doanh nghiệp)</i>				
4	Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm	trđ	1.248.788	1.253.131	100,34%	106%
5	Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm	trđ	1.449.495	1.509.675	104%	104%

II. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP

1. Trách nhiệm bảo vệ môi trường.

Công ty thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp an toàn, vệ sinh môi trường. Các nhà máy, trạm sản xuất đều có bể lắng, bể lọc, bể thu hồi đạt tiêu chuẩn. Đồng thời, công ty thực hiện nghiêm túc việc kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường với nước thải công nghiệp. Định kỳ đều có sự kiểm tra giám sát của cơ quan sở Tài nguyên môi trường.

2. Trách nhiệm đóng góp cho cộng đồng xã hội.

Công ty phối hợp với Công đoàn, đoàn thanh niên, đảng bộ công ty thực hiện các đóng góp xã hội, ủng hộ đồng bào lũ lụt, hoàn cảnh khó khăn.

3. Thực hiện tốt trách nhiệm với nhà cung cấp.

Việc thanh toán cho nhà cung cấp theo đúng hợp đồng. Công ty không có các khoản nợ phải trả không có khả năng thanh toán.

4. Trách nhiệm bảo đảm lợi ích và an toàn cho người tiêu dùng.

Việc đảm bảo chất lượng nước trên mạng và quan tâm hàng đầu của công ty. Việc kiểm định chất lượng nước diễn ra thường xuyên trên toàn địa bàn cấp nước. Bên cạnh đó, công ty tập trung đầu tư vào hệ thống sản xuất nước đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn của Bộ Y Tế.

5. Quan hệ tốt với người lao động.

Người lao động tại đơn vị được đảm bảo môi trường làm việc phù hợp. Công nhân được trang bị bảo hộ, được tập huấn thường xuyên về kỹ năng nghề nghiệp cũng như chính sách của nhà nước về quyền lợi của người lao động.

Người lao động được trả lương theo hợp đồng lao động và phân công nhiệm vụ. Lương thanh toán đúng thời gian, đúng số tiền, không có tình trạng nợ lương nhân viên.

Công ty đảm bảo việc đóng BHXH đầy đủ cho lao động ký hợp đồng với công ty, các chính sách của BHXH được chi trả đầy đủ, đúng hạn

6. Trách nhiệm đảm bảo lợi ích cho cổ đông và người lao động trong doanh nghiệp

Công ty trong năm 2016 có lợi nhuận, đảm bảo an toàn và phát triển vốn chủ sở hữu. Lợi nhuận trong năm được phân phối theo đúng quy định vào các quỹ khen thưởng phúc lợi cho người lao động và tăng vốn kinh doanh.

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2017

PHỤ LỤC VII

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẮP XẾP, ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP NĂM 2016
(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

TT	Tên doanh nghiệp	Giữ nguyên	Thoái vốn		Tiến độ thực hiện đến năm báo cáo								Tỷ lệ Nhà nước dự kiến nắm giữ sau sắp xếp, thoái vốn	Kế hoạch năm tiếp theo	Ghi chú
					CPH						Các hình thức khác				
			Hoàn thành trong năm báo cáo	Chưa hoàn thành	Thành lập Ban Chỉ đạo	Đang xác định giá trị DN	Quyết định công bố giá trị DN	Quyết định phê duyệt phương án	Đã IPO	Đại hội đồng cổ đông lần 1	Tên hình thức	Đã có quyết định phê duyệt			
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
I	Công ty TNHH Một thành viên Nước sạch Hà Nội														
1	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ (cấp 2)														
2	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ cổ phần chi phối (cấp 2)														
	CTCP Nước tinh khiết Hà Nội	x													
	CTCP Nước sạch số 3 Hà Nội	x													
	CTCP Nước sạch số 2 Hà Nội													Thoái vốn NN còn 0% đến 2020	Theo KH 168/KH-UBND ngày 12/9/2016

Số: /NSHN- KHĐT

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2018

PHỤ LỤC VIII

**BÁO CÁO THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC
CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2017**

I. THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP

1. Thành viên và cơ cấu tổ chức

Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty và các cán bộ chủ chốt: Danh sách thành viên (thành viên độc lập, thành viên điều hành, thành viên chuyên trách, thành viên không chuyên trách, chức danh tại công ty khác do doanh nghiệp nắm giữ); nhân thân, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp, các vị trí quản lý đã nắm giữ, công việc quản lý được giao.

Thông tin cụ thể tại Công ty Nước sạch Hà Nội tại Biểu 1 kèm theo phụ lục này

2. Kiểm soát viên Công ty

Kiểm soát viên công ty gồm 02 cán bộ : Kiểm soát viên chuyên trách và Kiểm soát viên gồm :

- Bà Hoàng Thị Thuỷ - Kiểm soát viên Chuyên trách – Sinh năm 1970 ;

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế.

- Ông Nguyễn Mạnh Tuấn – Kiểm soát viên – Sinh năm 1974

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật.

BIỂU 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh		Phân loại thành viên	Trình độ Chuyên môn	Kinh nghiệm nghề nghiệp	Các vị trí quản lý đã nắm giữ	Công việc quản lý được giao
			Chức danh tại Công ty	Chức danh tại Công ty khác					
I.Hội đồng thành viên	Ông Nguyễn Trí Khoa	1962	Chủ tịch Hội đồng thành viên	Thành viên HĐQT Công ty CP Tháp nước Hà Nội		Kỹ sư Hoá Cử nhân kinh tế Thạc sĩ Kinh tế		Phó phòng Công ty Giám đốc XN Phó Giám đốc Công ty Chủ tịch HĐTV	Chủ tịch Hội đồng thành viên
II.Tổng giám đốc	Ông Nguyễn Bảo Vinh	1964	Thành viên Hội đồng thành viên Tổng giám đốc	Thành viên HĐQT Công ty CP Tháp nước Hà Nội		Kỹ sư Cấp thoát nước		Phó giám đốc XN Giám đốc XN Phó Tổng giám đốc Công ty, Tổng giám đốc Công ty	Thành viên Hội đồng thành viên Tổng giám đốc
III. Phó Tổng giám đốc	1. Ông Trịnh Kim Giang	1958	Phó Tổng giám đốc	Chủ tịch HĐQT Công ty CP SXKD NS Số 3 Hà Nội		Kỹ sư Cấp thoát nước Thạc sĩ Môi trường		Phó phòng Cty Trưởng phòng Cty Giám đốc BQLDA Phó Tổng giám đốc Công ty	Phó Tổng giám đốc
	2. Ông Trần Quốc Hùng	1963	Phó Tổng giám đốc	Thành viên HĐQT: Công ty CP Nước mặt: Sông Hồng; Sông Đuống		Kỹ sư Cấp thoát nước		Trạm trưởng Phó giám đốc XN, Giám đốc XN Phó giám đốc Công ty, Phó Tổng giám đốc Công ty	Phó Tổng giám đốc

	3. Ông Đặng Ngọc Hải	1968	Phó Tổng giám đốc	Chủ tịch HDQT Công ty CP: NS số 2 HN; Nước Tinh kiết HN		Kỹ sư Điện tử - Tin học		Giám đốc NMN Giám đốc XN Trưởng phòng Công ty Phó Tổng giám đốc Công ty	Phó Tổng giám đốc
IV.Kế toán trưởng	Ông Đỗ Phương Nam	1978	Kế toán trưởng	Thành viên HDQT Công ty CP SXXD NS Số 3 Hà Nội		Cử nhân Luật, Cử nhân Kinh tế Thạc sĩ Kinh tế		Phó phòng Công ty Trưởng phòng Công ty Kế toán trưởng Công ty	Kế toán trưởng

BÁO CÁO TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG BÌNH QUÂN (1) NĂM 2017
 của thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng
 giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng

TT	Họ tên	Chức danh	Chuyên trách/ không chuyên trách (2)	Hệ số mức lương	Tiền lương (trồng/tháng)		Thù lao (trồng/tháng)		Tiền thưởng (trồng/ tháng)	Thu nhập (trồng/ tháng) (3)
					Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện		
1	Nguyễn Trí Khoa	Chủ tịch công ty	Chuyên trách	8.12	29.2	30.7		10.2		40.9
2	Nguyễn Bảo Vinh	Tổng giám đốc	Chuyên trách	7.45	28.2	29.7		3.5		33.2
3	Trịnh Kim Giang	Phó tổng giám đốc	Chuyên trách	7.3	25.4	26.7		8.5		35.2
4	Trần Quốc Hùng	Phó tổng giám đốc	Chuyên trách	7.3	25.4	26.7				26.7
5	Đặng Ngọc Hải	Phó tổng giám đốc	Chuyên trách	7.3	25.4	26.7		10.5		37.2
6	Phạm Văn Thảo	Thành viên HĐTV	Chuyên trách	7.3	25.4	26.7		10		36.7
7	Hoàng Thị Thuỷ	Kiểm soát viên	Chuyên trách	6.97	25.4	26.7				29.8
8	Đỗ Phương Nam	Kế toán trưởng	Chuyên trách	6.97	23.5	24.7		4.2		28.9

Hà nội, ngày 20 tháng 3 năm 2018.

Người lập biểu
 (Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ)

[Signature]
 Lê Bích Hương

Thủ trưởng đơn vị
 (Ký tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
 Nguyễn Bảo Vinh

II Các quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp

Trong năm 2017, Hội đồng thành viên công ty đã ban hành 120 quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Nội dung chủ yếu về chủ trương đầu tư, phê duyệt vốn và tài sản của các đơn vị trực thuộc công ty. Các quyết định quan trọng liên quan đến sản xuất kinh doanh như sau:

BIỂU SỐ 2

CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung (nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)
Năm 2016			
I	Quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch HĐQT Công ty		
1	443	27/02/2017	Thông qua chủ trương tăng vốn Điều lệ góp bổ sung với Công ty CP thác nước HN
2	444	27/02/2017	Đề xuất thoái vốn Công ty CP SXKD Nước sạch số 3
3	1378	27/06/2017	Cử Ông Đặng Ngọc Hải PTGD đại diện phần vốn góp của Công ty CP Nước Tinh Khiết
4	1379	27/06/2017	Cử Ông Đỗ Minh Hiếu đại diện phần vốn góp của Công ty CP Nước Tinh Khiết
5	1380	25/04/2017	Chấm dứt ủy quyền đại diện vốn nhà nước của Công ty tại Công ty CP Đầu tư XD và KDNS VIWACO
6	1461	04/05/2017	Chỉ tiêu tài chính năm 2017
7	1726	23/05/2017	Điều chỉnh KH quỹ lương năm 2016
8	2168	27/06/2017	Chấm dứt ủy quyền đại diện vốn nhà nước tại Công ty CP Nước sạch số 2 của Ông Nguyễn Hữu Thắng
9	2169	27/06/2017	Giao bổ sung vốn NN tại Công ty CP Nước sạch số 2
10	2170	27/06/2017	Cử người đại diện vốn tại Công ty CP Nước sạch số 2
11	2201	29/06/2017	Thống nhất đề xuất vay vốn đầu tư XD mạng lưới cấp nước cho 5 xã huyện Đông Anh
12	2208	30/06/2017	Chấm dứt ủy quyền đại diện vốn nhà nước tại Công ty CP Nước mặt sông Hồng
13	2209	30/06/2017	Cử người đại diện vốn NN của Công ty tại Công ty CP Nước mặt sông Hồng
14	4577	30/12/2017	Giao vốn cho XN Thiết Kế
15	4576	30/12/2017	Giao vốn cho XN Hai Bà Trưng
16	4575	30/12/2017	Giao vốn cho XN Ba Đình
17	4574	30/12/2017	Giao vốn cho XN Cầu Giấy
18	4573	30/12/2017	Giao vốn cho XN Đống Đa

19	4572	30/12/2017	Giao vốn cho XN Đồng Hồ
20	4571	30/12/2017	Giao vốn cho XN Cơ điện Vận tải
21	4570	30/12/2017	Giao vốn cho XN Hoàng Mai
22	4563	30/12/2017	Phê duyệt KH năm 2018
23	4549	28/12/2017	Chỉ chỉ viên chức quản lý Tết Dương Lịch 2018
24	4388	16/12/2017	Phân phối lợi nhuận năm 2016
25	4244	5/12/2017	Thông qua phương án bán đấu giá vốn NN tại Công ty CP Nước Tinh Khiết
26	3343	02/10/2017	Điều chỉnh KH năm 2017

BIỂU SỐ 3

THỐNG KÊ CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN HOẶC CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

TT	Thành viên HĐQT hoặc chủ tịch Công ty	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Số buổi họp không tham dự	Lý do không tham dự	Tỷ lệ
I. Năm 2016						
1	Nguyễn Trí Khoa	Chủ tịch	5			
2	Nguyễn Bảo Vinh	TV HĐQT	3	2	Công tác	
3	Phạm Văn Thảo	TV HĐQT	5			
II. Năm 2017						
1	Nguyễn Trí Khoa	Chủ tịch	3			
2	Nguyễn Bảo Vinh	TV HĐQT	1	2	Công tác	
3	Phạm Văn Thảo	TV HĐQT	1			

BIỂU SỐ 4

THỐNG KÊ CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung (nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)
1	3060	12/09/2017	Phân phối lợi nhuận sau thuế
2	3088	14/09/2017	Kế hoạch triển khai các bước CPH Công ty
3	3993	20/11/2017	Vay vốn đầu tư Dự án nâng công suất NMN Bắc Thăng Long.

III. Hoạt động của Kiểm soát viên

BIỂU SỐ 5**THỐNG KÊ CÁC BÁO CÁO CỦA KIỂM SOÁT VIÊN**

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung (nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)
1	161/KSV-NSHN	20/01/2017	Chương trình công tác năm 2017 của KSV Công ty Nước sạch Hà Nội
2	1275/KSV-NSHN	19/04/2017	Báo cáo của KSV Công ty quý I/2017, báo cáo năm 2016
3	2870/KSV-NSHN	24/08/2017	Báo cáo của KSV Công ty quý II, 6 tháng năm 2017
4	57/KSV-NSHN	26/10/2017	Báo cáo quý III và 9 tháng năm 2017

IV. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Danh sách các bên có liên quan của doanh nghiệp.
 - Công ty CP Nước sạch số 2 Hà Nội
 - Công ty CP SKKD Nước sạch số 3 Hà Nội
 - Công ty CP ĐTXD Hạ tầng Nước sạch Hà Nội
- Thông tin về giao dịch với các bên có liên quan.

BIỂU SỐ 6**THỐNG KÊ VỀ CÁC GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

(Chỉ nêu tóm tắt các giao dịch quan trọng, có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp)

TT	Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch (đ)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Công ty CP Nước sạch số 2 Hà Nội	Bán buôn nước sạch	88.812.764.370
2	Công ty CP SKKD Nước sạch số 3 Hà Nội	Bán buôn nước sạch, kiểm định đồng hồ, xây dựng hệ thống cấp nước	90.681.215.872
3	Công ty CP ĐTXD Hạ tầng Nước sạch Hà Nội	Xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước	271.842.406

Số: /NSHN- KHĐT

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2018

PHỤ LỤC X
BÁO CÁO CHẾ ĐỘ, TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG CỦA DOANH
NGHIỆP NĂM 2017

1. Chính sách tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp:

a) Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao của doanh nghiệp:

- Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao đối với người lao động
- Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao đối với người quản lý doanh nghiệp.

Trả lương theo kết quả sản xuất kinh doanh.

b) Quỹ tiền lương kế hoạch:

Quỹ lương kế hoạch của người lao động và Quỹ lương kế hoạch của người quản lý doanh nghiệp

Quỹ tiền lương kế hoạch được duyệt, cơ sở tính quỹ tiền lương kế hoạch theo từng năm (có báo cáo cụ thể kèm theo, cơ sở tính theo nghị định 51, 52/2016- NĐCP và thông tư 26, 27/TT-BLĐTBXH).

c) Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng, thù lao của doanh nghiệp:

Doanh nghiệp tự xây dựng cơ chế trả lương nội bộ của đơn vị trên nguyên tắc kết quả sản xuất kinh doanh của từng đơn vị.

2. Báo cáo quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của doanh nghiệp:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm trước liền kề năm báo cáo (2016)		Năm báo cáo 2017
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	HẠNG CÔNG TY ĐƯỢC XẾP				
II	TIỀN LƯƠNG CỦA LAO ĐỘNG				
1	Lao động	Người	2 336	2 166	2 333
2	Mức tiền lương bình quân	1.000 đ/tháng	9 495	10 077	8 360
3	Quỹ tiền lương	Triệu đồng	261 025	260 954	232 811

4	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động	Triệu đồng	10	12	12
5	Thu nhập bình quân	1.000 đ/tháng	10 995	11 577	9 860
III	TIỀN LƯƠNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP				
1	Số người quản lý doanh nghiệp	Người	8	7.3	7
2	Mức lương cơ bản bình quân	Triệu đồng/tháng	27.6	27.6	27.7
3	Quỹ tiền lương	Triệu đồng	2 652	2 411	2 307
4	Mức tiền lương bình quân	Triệu đồng/tháng	27.6	27.5	27.5
5	Quỹ tiền thưởng				
6	Tiền thưởng, thu nhập	Triệu đồng			
7	Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý	Triệu đồng/tháng	5.4	5.3	5.3

Hà Nội, ngày tháng 03 năm 2018

Người lập biểu



Lê Bích Hương



Tổng Giám đốc

Nguyễn Bảo Vinh